TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 06/2020/QĐST - HNGĐ	*Thiệu Hóa, ngày 02 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212; Điều 213 khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2020/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm A , xã TP, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người yêu cầu:* Chị Điêu Thị N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn T, xã SP, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 24 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Điêu Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05/10/2017 như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo các đương sự thừa nhận do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng chỉ chung sống một thời gian ngắn, từ đầu năm 2019 vợ chồng sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh T và chị N thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị N.

Về con chung: Anh T và chị N khai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 09/4/2018; Anh T và chị N xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Nguyễn Ngọc T1 có ghi họ tên bố là Nguyễn Ngọc T và họ tên mẹ là Điêu Thị N, như vậy đủ cơ sở khẳng định cháu Nguyễn Ngọc T1 là con của anh T và chị N. Anh T và chị N thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.500.000đ(Hai triệu

năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2020; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp nên chấp nhận.

Về tài sản: Anh T, chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Anh T, chị N thống nhất anh T nộp lệ phí sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Điêu Thị N.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 09/4/2018 cho chị Điêu Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi; Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2020.

Anh T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Anh T, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T, chị N thỏa thuận anh T chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa theo biên lai thu số AA/2018/0007353 ngày 23/11/2020. Anh T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt